

Bản án số: 06/2018/HS-ST
Ngày 05-02-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Kiên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Toàn;

Ông Lương Xuân Hiếu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Long Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Trần Hùng Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 76/2017/TLST-HS, ngày 08 tháng 12 năm 2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2018/QĐXXST-HS, ngày 22 tháng 01 năm 2018, đối với bị cáo:

Nguyễn Chí C, sinh ngày 23 tháng 10 năm 1986, tại Hải Phòng; ĐKNKTT và trú tại: Đường T, phường G, quận N, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Quang A (đã chết) và bà Vũ Thị B; chưa có vợ con; tiền án: Án số 145/2007/HSST, ngày 18/9/2007 Tòa án nhân dân quận N, Hải Phòng xử phạt 12 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Án số 54/2009/HSST, ngày 18/6/2009 Tòa án nhân dân quận N xử phạt 18 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Án số 139/2011/HSST, ngày 20/12/2011 Tòa án nhân dân quận N xử phạt 36 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Án số 05/2012/HSST, ngày 18/01/2012 Tòa án nhân dân quận H xử phạt 30 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 02/9/2017, chuyển tạm giam từ ngày 07/9/2017; có mặt.

- Bị hại:

+ Bà Trần Thị D, sinh năm 1959, địa chỉ: Đội 3, thôn HL, xã HK, huyện T, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1976, địa chỉ: Phố HN, phường P, quận H, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng giữa tháng 7/2017, Nguyễn Chí C quen anh Trần Ngọc V (sinh năm 1992, trú tại: Thôn HL, xã HK, huyện T, tỉnh Hải Dương) do cùng làm thuê tại cơ sở sản xuất bún có địa chỉ tại ấp 5, xã V, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh. Lợi dụng sơ hở, C đã trộm cắp chiếc điện thoại di động trong đó có sim điện thoại số 0167657... của anh V. Sau đó C đã bỏ về Hải Phòng và bán chiếc điện thoại trên. Khi C sử dụng chiếc sim số 0167657..., thấy trong danh bạ có số điện thoại 0163571... ghi là “Mẹ” thì C nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Đến khoảng giữa tháng 8/2017, C dùng số điện thoại 0167657... gọi vào số 0163571... của bà Trần Thị D (sinh năm 1959, trú tại: Thôn HL, xã HK, huyện T, tỉnh Hải Dương - là mẹ của anh V) và xưng tên là V1. C nói anh V đang nợ mình số tiền 3.000.000 đồng và yêu cầu bà D phải trả thay. Bà D nói đang khó khăn nên chỉ trả được 2.000.000 đồng, C đồng ý. Do nghi ngờ bị lừa nên bà D đã trình báo Công an. Đến khoảng 20 giờ 30 phút, ngày 01/9/2017 tại quán Cafe số 181 đường B, phường T, quận H, Hải Phòng, khi C vừa nhận số tiền 2.000.000 đồng từ bà D thì bị Công an bắt quả tang. Số tiền 2.000.000 đồng đã được trả lại cho bà D.

Ngoài lần phạm tội ngày 01/9/2017, C còn bốn lần khác đã lừa đảo chiếm đoạt tổng số tiền 9.000.000 đồng của bà D bằng các thủ đoạn tương tự như trên, xảy ra tại địa bàn tỉnh Hải Dương.

Vụ thứ hai: Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 27/6/2017, do quen biết anh Nguyễn Văn D (sinh năm 1976, trú tại: Đường HN, phường P, quận H, Hải Phòng) nên C đến chơi tại chỗ làm của D tại cổng Cảng H, thuộc phường M, quận N, Hải Phòng. Thấy anh D có một xe mô tô Air Blade màu sơn đỏ đen BKS: 15B2 - 544.60 nên C nảy sinh ý định chiếm đoạt. C hỏi mượn xe của anh D để đi mua đồ ăn về cùng ăn, D đồng ý. Sau khi lấy được xe, C đi thẳng đến nhà Đoàn Văn L (sinh năm 1987, trú tại: Đường Đ, phường M, quận N, Hải Phòng) và nhờ L đem bán chiếc xe trên. L đồng ý và lấy xe mô tô Air Blade BKS 15B2 - 544.60 đi bán. Khoảng một giờ sau, L quay lại đưa cho C số tiền 6.000.000 (sáu triệu) đồng.

Tại kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự quận N kết luận: Xe mô tô Air Blade màu sơn đỏ đen BKS 15B2 - 544.60 trị giá 37.000.000 đồng.

Về bồi thường dân sự: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Air Blade màu sơn đỏ đen BKS 15B2 - 544.60 không thu hồi được. Anh D yêu cầu bồi thường số tiền 37.000.000 đồng, hiện C chưa bồi thường.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Chí C khai nhận đã thực hiện hành vi dùng thủ đoạn gian dối làm bà D nhầm tưởng để chiếm đoạt số tiền 2.000.000 đồng của bà D xảy ra vào hồi 20 giờ 30 phút, ngày 01/9/2017 tại quán Cafe số 181 đường B, phường T, quận H, Hải Phòng, bị Công an quận H bắt giữ quả tang cùng tang vật là số tiền 2.000.000 đồng vừa nhận của bà D. Bị cáo cũng đã khai và thừa nhận việc thực hiện hành vi nói dối để mượn xe mô tô nhãn hiệu Air Blade BKS 15B2 -

544.60 của anh Nguyễn Văn D tại khu vực cổng Cảng H, thuộc phường M, quận N, Hải Phòng, rồi ngay sau đó nhờ Đoàn Văn L, sinh năm 1987, trú tại: Đường Đ, phường M, quận N, Hải Phòng, đem bán cho người không quen biết lấy số tiền 6.000.000 đồng dùng để ăn tiêu cá nhân hết, như nội dung Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng đã truy tố.

Cáo trạng số: 79/CT-VKS, ngày 30/11/2017, của Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng đã truy tố bị cáo Nguyễn Chí C về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", theo điểm c khoản 2 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Nguyễn Chí C như nội dung bản Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015; tuyên phạt bị cáo Nguyễn Chí C với mức án từ 04 đến 05 năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, ngày 02/9/2017. Miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 584, Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015; buộc bị cáo Nguyễn Chí C phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn D trị giá chiếc xe mô tô Air Blade BKS 15B2 - 544.60 với số tiền là 37.000.000 đồng (*Ba mươi bảy triệu đồng chẵn*).

- Áp dụng Điều 46 và điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; đề nghị tuyên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước một (01) điện thoại nhãn hiệu Mobistar màu trắng đã qua sử dụng, số Imei: 357250422273680 và trả lại cho bị cáo C một (01) điện thoại nhãn hiệu LG màu xanh đen, đã qua sử dụng, số: SN - 110KPRW 0026622.

- Đối với hành vi C trộm cắp điện thoại của anh V: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hồng Bàng đã chuyển hồ sơ cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, thành phố Hồ Chí Minh để điều tra theo thẩm quyền.

- Đối với bốn lần C có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản là tiền của bà D: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hồng Bàng đã chuyển hồ sơ cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N, tỉnh Hải Dương để điều tra theo thẩm quyền.

- Đối với Đoàn Văn L: Hành vi mang chiếc xe Air Blade BKS 15B2 - 544.60 mà C đã chiếm đoạt được của anh Nguyễn Văn D có dấu hiệu của tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, tài liệu điều tra chưa đủ căn cứ để khởi tố bị can đối với L nên Cơ quan điều tra tách ra, làm rõ, xử lý sau.

- Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Nội dung lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo xin được nói lời xin lỗi chân thành đến người bị hại là anh D, mong muốn được khắc phục hậu quả đã gây ra sau khi chấp hành xong hình phạt tù và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ về hình phạt đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Hồng Bàng, Điều tra viên được phân công điều tra vụ án, Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, Kiểm sát viên được phân công kiểm sát điều tra và kiểm sát xét xử, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện, tuân thủ đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác trong vụ án không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử vụ án đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định bị cáo có tội: Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Chí C đã khai nhận đã thực hiện hành vi dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt số tiền 2.000.000 đồng của bà D xảy ra vào hồi 20 giờ 30 phút, ngày 01/9/2017 tại quán Cafe số 181 đường B, phường T, quận H, Hải Phòng, bị Công an quận H bắt giữ quả tang cùng tang vật là số tiền 2.000.000 đồng vừa chiếm đoạt được của bà D. Bị cáo cũng thừa nhận việc có ý định từ trước nên đã thực hiện hành vi gian dối để mượn xe mô tô nhãn hiệu Air Blade BKS 15B2 - 544.60 của anh Nguyễn Văn D, rồi ngay sau đó nhờ Đoàn Văn L, sinh năm 1987, trú tại: Đường Đ, phường M, quận N, Hải Phòng, đem bán cho người không quen biết lấy số tiền 6.000.000 đồng dùng để ăn tiêu cá nhân. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được tính nguy hiểm do hành vi của mình gây ra những vẫn thực hiện các hành vi nêu trên với lỗi cố ý trực tiếp, nhằm mục đích tư lợi cho bản thân.

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa thống nhất với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của các người bị hại, người làm chứng và phù hợp với tang vật đã thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và được chứng minh bởi biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang được lập hồi 20 giờ 35 phút, ngày 01/9/2017, tại Công an phường T, quận H, Hải Phòng.

Như vậy, Hội đồng xét xử thấy đã có đủ cơ sở kết luận các hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Chí C đã có đủ yếu tố để cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", được quy định tại Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999 và tội danh tương ứng được quy định tại Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Nhân thân của bị cáo C đã có bốn lần tiền án chưa được xóa án: Án số 145/2007/HSST, ngày 18/9/2007 Tòa án nhân dân quận N, thành phố Hải Phòng xử phạt 12 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Án số 54/2009/HSST, ngày 18/6/2009 Tòa án nhân dân quận N xử phạt 18 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Án số 139/2011/HSST, ngày 20/12/2011 Tòa án nhân dân quận N xử phạt 36 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản và án số 05/2012/HSST, ngày 18/01/2012 Tòa án nhân dân quận H xử phạt 30 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Lần này bị cáo phạm tội là “Tái phạm nguy hiểm” nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng định khung hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[3] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo đã thực hiện hai hành vi gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác, tài sản mà bị cáo chiếm đoạt được đều có giá trị trên 2.000.000 đồng nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa cũng như tại giai đoạn điều tra, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[5] Về áp dụng hình phạt đối với bị cáo: Xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo xảy ra vào ngày 01/9/2017, nhưng đến khi tiến hành xét xử bị cáo là sau ngày 01/01/2018, là ngày Bộ luật Hình sự năm 2015 đã có hiệu lực thi hành. Hội đồng xét xử phân tích so sánh các điều khoản tương ứng tại khoản 2 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999 và khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đều quy định khung hình phạt từ 02 năm đến 07 năm tù. Do vậy, Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 để xét xử và lượng hình đối với bị cáo.

[6] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an xã hội. Do vậy lần phạm tội này cần phải xử lý nghiêm, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục đối với bị cáo và đấu tranh phòng ngừa chung.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng. Xét bị cáo là người không có tài sản riêng, không có việc làm và thu nhập ổn định nên miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Số tiền 2.000.000 đồng bị cáo đã chiếm đoạt được của bà D đã được thu hồi ngay và trả lại cho bà D. Bà D không còn yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Còn đối với chiếc xe mô tô Air Blade BKS 15B2 - 54460 của anh Nguyễn Văn D bị chiếm đoạt, hiện không thu hồi được. Tại phiên tòa anh D yêu cầu bị cáo phải bồi thường toàn bộ trị giá chiếc xe theo đúng kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản UBND quận N, thành phố Hải Phòng với số tiền là 37.000.000 đồng, ngoài ra không còn yêu cầu bồi thường gì khác. Bị cáo C nêu ý kiến đồng ý

bồi thường cho anh D số tiền trên. Do vậy cần buộc bị cáo phải bồi thường cho anh D trị giá chiếc xe mô tô Air Blade BKS 15B2 - 54460 với số tiền là 37.000.000 đồng, theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 và Điều 584, Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[9] Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, vật chứng của vụ án đã thu giữ được xử lý như sau: Một (01) điện thoại nhãn hiệu Mobistar màu trắng đã qua sử dụng, số Imei: 357250422273680, là vật mà bị cáo đã dùng để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước. còn chiếc điện thoại nhãn hiệu LG màu xanh đen, đã qua sử dụng, số: SN - 110KPRW 0026622, là tài sản riêng của bị cáo, không liên quan đến việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo.

[10] Đối với hành vi C trộm cắp điện thoại của V: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hồng Bàng đã chuyển hồ sơ cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, thành phố Hồ Chí Minh để điều tra theo thẩm quyền.

[11] Đối với việc bốn lần C có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản là tiền của bà D nhưng đều xảy ra trên địa bàn huyện N, tỉnh Hải Dương nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hồng Bàng đã chuyển hồ sơ cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N, tỉnh Hải Dương để điều tra theo thẩm quyền.

[12] Đối với Đoàn Văn L đã có hành vi giúp C mang bán chiếc xe Air Blade BKS 15B2 - 544.60 chiếm đoạt của anh D có dấu hiệu của tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có nhưng tài liệu điều tra chưa đủ căn cứ để khởi tố bị can đối với L nên Cơ quan điều tra tách ra, làm rõ, xử lý sau.

[13] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Chí C phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Chí C 48 (Bốn mươi tám) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, ngày 02 tháng 9 năm 2017.

Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 584, Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Xử: Buộc bị cáo Nguyễn Chí C phải có trách nhiệm bồi thường cho anh Nguyễn Văn D trị giá chiếc xe mô tô Air Blade BKS 15B2 - 54460 với số tiền là 37.000.000 đồng (*Ba mươi bảy triệu đồng chẵn*).

Khoản tiền bồi thường nêu trên, khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chưa thi hành thì hàng tháng phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Căn cứ vào Điều 46 và điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước một điện thoại nhãn hiệu Mobistar màu trắng đã qua sử dụng, số Imei: 357250422273680.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Chí C một (01) điện thoại nhãn hiệu LG màu xanh đen, đã qua sử dụng, số: SN - 110KPRW 0026622.

Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Chí C phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng, án phí hình sự sơ thẩm và 1.850.000 (một triệu tám trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo và người bị hại có mặt tại phiên tòa đều được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại (bà Trần Thị D) vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận :

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- CQĐT - Công an quận Hồng Bàng;
- CQTHAHS - Công an quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- Sở tư pháp thành phố Hải Phòng;
- Trại tạm giam Công an TP. Hải Phòng;
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quang Kiên